

Số: /QĐ-STNMT

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư 06/VBHN-BTNMT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai và Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố và công chức địa chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Ban GD Sở;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-STNMT ngày....tháng....năm 2021
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các cụm từ viết tắt

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất viết tắt là “Giấy chứng nhận”.

2. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố viết tắt là “Chi nhánh”.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố viết tắt là “Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn viết tắt là “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố viết tắt là “Phòng Tài nguyên và Môi trường”.

6. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động viết tắt là “Cán bộ”.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu đất đai* là tập hợp các dữ liệu đất đai được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

2. *Dữ liệu đất đai* : bao gồm dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu thuộc tính đất đai và các dữ liệu khác có liên quan đến thửa đất.

3. *Dữ liệu không gian đất đai*: bao gồm dữ liệu không gian đất đai nền và các dữ liệu không gian chuyên đề.

4. *Dữ liệu thuộc tính đất đai*: bao gồm dữ liệu thuộc tính địa chính; dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu thuộc tính giá đất; dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai.

5. *Các dữ liệu khác có liên quan tới thửa đất*: bao gồm bản ký số hoặc bản quét Giấy chứng nhận; Sổ địa chính; giấy tờ pháp lý làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận; hợp đồng hoặc văn bản thực hiện các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các yêu cầu về quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

Việc quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo tính duy nhất: Cơ sở dữ liệu đất đai chỉ được phép tồn tại duy nhất một phiên bản. Mọi công tác liên quan đến đo đạc, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phải sử dụng dữ liệu này;

2. Đảm bảo tính toàn vẹn: Mọi công tác thường xuyên liên quan đến cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai khi kết thúc hồ sơ phải tồn tại trên cơ sở dữ liệu đất đai gốc.

Mọi dự án liên quan đến xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai khi kết thúc dự án, dữ liệu thi công phải được cập nhật trên cơ sở dữ liệu đất đai gốc. Thông tin trước khi cập nhật vào trong cơ sở dữ liệu đất đai phải được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định;

3. Đảm bảo tính sẵn sàng sử dụng: Cơ sở dữ liệu đất đai gốc phải đảm bảo luôn sẵn sàng để sử dụng trong các ngày làm việc, ngày nghỉ. Mọi công tác bảo dưỡng, bảo trì làm gián đoạn việc sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai gốc trong các ngày làm việc, ngày nghỉ phải được báo trước. Mọi sự cố phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất và phải được báo cáo về Giám đốc Sở;

4. Đảm bảo an toàn thông tin: Việc quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ những người được trao quyền đăng nhập mới có thể truy cập cơ sở dữ liệu đất đai gốc và người được trao quyền chỉ có thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai gốc trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Cơ sở dữ liệu đất đai phải được đảm bảo an toàn trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại.

Không được cung cấp, chia sẻ trái phép cơ sở dữ liệu đất đai dưới bất kỳ hình thức nào; Không được cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai ngoài thẩm quyền được giao theo qui định.

5. Đảm bảo tính lịch sử của cơ sở dữ liệu đất đai: Việc cập nhật biến động vào cơ sở dữ liệu đất đai phải được ghi nhận vào thông tin lịch sử biến động của hồ sơ.

Mọi cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phải được ghi nhật ký (log file) tự động hoặc thủ công. Các nhật ký này sẽ được lưu giữ theo năm cùng với DVD dữ liệu gốc phục vụ tra cứu người sử dụng ở các phiên làm việc và các tác động đối với cơ sở dữ liệu khi có các vấn đề về sự cố dữ liệu.

Điều 6. Các thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai và giá trị pháp lý

1. Cơ sở dữ liệu đất đai bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu địa chính;
- Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Cơ sở dữ liệu giá đất;
- Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;

Cơ sở dữ liệu địa chính là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

2. Giá trị pháp lý.

Thông tin trong cơ sở dữ liệu đất đai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp thì có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy. Mọi công tác liên quan đến dữ liệu đất đai phải sử dụng nguồn dữ liệu cơ sở dữ liệu đất đai này mới được công nhận tính hợp pháp. Mọi thông tin cung cấp từ cơ sở dữ liệu đất đai này phải được xác nhận của đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ thì mới có giá trị pháp lý.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 7. Quản lý, thiết lập cấu hình và đường truyền

Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

1. Thiết lập cấu hình đăng nhập cho toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.
2. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát trong việc sử dụng thông suốt đối với đường truyền dùng chung (trường hợp kết nối với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Phối hợp với Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông tỉnh (qua bộ phận Trung tâm Tích hợp dữ liệu) và đơn vị vận hành đường truyền số liệu chuyên dùng (VNPT Bình Phước) đảm bảo hệ thống vận hành liên tục thông suốt 24/24 giờ.

Điều 8. Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai

1. Cấp và quản lý tài khoản người sử dụng

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh có trách nhiệm cấp tài khoản cho người sử dụng để truy cập vào phần mềm theo đề nghị bằng văn bản của tổ chức, cá nhân sử dụng hệ thống;

b) Mọi tài khoản được cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể;

c) Mỗi cá nhân được cấp không quá một tài khoản để đăng nhập vào phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai;

d) Mỗi cá nhân được cấp không quá một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống file bản đồ địa chính dùng chung;

đ) Việc cấp tài khoản đảm bảo đủ, không dư thừa quyền đối với mỗi cá nhân, tùy theo công việc và nhiệm vụ được giao;

e) Trường hợp có yêu cầu thay đổi về quyền của tài khoản thì trưởng các đơn vị phải có văn bản đề nghị gửi về Văn phòng Đăng ký đất đai để được đổi lại;

g) Những đơn vị khác được Sở giao nhiệm vụ thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; chỉ được cấp tài khoản khi kế hoạch thi công đã phê duyệt.

h) Các Sở, ban ngành, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, UBND cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã, công chức địa chính cấp xã được truy cập cơ sở dữ liệu đất đai thông qua tài khoản do Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp.

2. Sử dụng và bảo quản tài khoản

a) Người dùng có trách nhiệm bảo quản tài khoản theo các quy định về an toàn, an ninh thông tin;

b) Trường hợp thất thoát tài khoản làm xảy ra thiệt hại liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai tập trung, người sở hữu tài khoản đó sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm;

c) Văn phòng Đăng ký đất đai theo dõi, quản lý, báo cáo và đề xuất xử lý đối với các tài khoản đã cấp theo quy định;

3. Khóa tài khoản

Các tài khoản bị khóa nằm trong những trường hợp sau đây:

a) Tài khoản mới cấp nhưng trong vòng một tuần không đổi mật khẩu;

b) Tài khoản bị phát hiện thất thoát;

c) Tài khoản sử dụng để cập nhật dữ liệu công trình, khi công trình đã nghiệm thu.

Trường hợp đơn vị có cán bộ nghỉ việc hoặc điều chuyển công tác mà công việc không cần thiết phải sử dụng tài khoản đã cấp, Thủ trưởng các đơn vị phải có trách nhiệm thông báo cho Văn phòng Đăng ký đất đai bằng văn bản để khóa tài khoản, sự thay đổi tài khoản được đưa vào bản báo cáo định kỳ.

Điều 9. Vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

1. Việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai phải được sử dụng thống nhất trên phần mềm đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép sử dụng.

2. Tất cả các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký, đăng ký biến động đất đai phải được thực hiện trong cơ sở dữ liệu đất đai và đảm bảo đúng quy trình đã thiết lập.

Chương III

KHAI THÁC, CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 10. Các hình thức khai thác cung cấp thông tin

1. Khai thác thông tin đất đai qua phần mềm Cơ sở dữ liệu đất đai, cổng thông tin đất đai, dịch vụ tin nhắn SMS.

2. Khai thác thông tin đất đai thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản tại cơ quan có thẩm quyền cung cấp dữ liệu đất đai.

3. Các thông tin đất đai được công bố công khai như sau:

- a) Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai;
- b) Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;
- c) Khung giá đất, bảng giá đất đã công bố;
- d) Thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- đ) Các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

Điều 11. Khai thác dữ liệu qua phần mềm Cơ sở dữ liệu đất đai, cổng thông tin đất đai, dịch vụ tin nhắn SMS

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác dữ liệu đất đai trên mạng internet, cổng thông tin đất đai phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm:

a) Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp;

b) Khai thác dữ liệu trong phạm vi được cấp, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu đất đai;

c) Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp đã được thỏa thuận, cho phép bằng văn bản của cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai;

d) Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống thông tin đất đai; thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

3. Cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

c) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy cập hệ thống thông tin đất đai;

d) Bảo đảm tính chính xác, thống nhất về nội dung, cập nhật thường xuyên và kịp thời của dữ liệu trong hệ thống thông tin đất đai;

đ) Quy định rõ thời hạn tồn tại trực tuyến của từng loại thông tin;

e) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố ngay sau khi hệ thống thông tin đất đai bị lỗi trong quá trình hoạt động làm ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc gây ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng.

Điều 12. Khai thác dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hoặc bằng hình thức hợp đồng

1. Khi nhận được phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác dữ liệu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Việc khai thác dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật như sau:

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đất đai (theo mẫu 03 tại phụ lục ban hành kèm Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 13. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo Điều 18 Quyết định 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 14. Việc thu phí khai thác cơ sở dữ liệu đất đai

Thực hiện theo Điều 5 Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

Chương IV

CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 15: Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính

1. Việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cụ thể như sau:

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc nhập thông tin và quét hồ sơ do người sử dụng đất, người quản lý đất nộp khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai và luân chuyển hồ sơ số qua hệ thống thông tin đất đai theo quy trình giải quyết thủ tục hành chính;

b) Việc nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu địa chính được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống thông tin đất đai thông qua phần mềm ứng dụng khi giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hồ sơ quét, dữ liệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình điện tử đã được thiết lập trên hệ thống tương ứng với thủ tục hành chính theo quy định và được thiết lập chế độ bảo vệ (chỉ cho phép đọc) sau khi kết thúc thủ tục hành chính.

3. Các đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai được phép cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai thông qua các công trình dự án phải đảm bảo các yêu cầu trong thiết kế kỹ thuật và không làm gián đoạn các công tác cập nhật dữ liệu thường xuyên. Dữ liệu trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai phải được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

Điều 16. Cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai được thực hiện từ các kết quả thống kê, kiểm kê định kỳ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố.

Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai các cấp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố.

Điều 17. Cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo kết quả điều chỉnh trong kỳ hoặc kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của kỳ tiếp theo sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện cho Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật theo quy định.

4. Chi cục Quản lý đất đai có trách nhiệm cung cấp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cho Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật theo quy định.

Điều 18. Cập nhật cơ sở dữ liệu giá đất

1. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu giá đất được thực hiện theo kết quả xác định giá đất tại khu vực giáp ranh; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; định giá đất cụ thể; trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Phiếu thu thập thông tin về thửa đất; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật dữ liệu giá đất vào hệ thống cơ sở dữ liệu giá đất của tỉnh sau khi có quyết định công bố của UBND tỉnh.

Điều 19. Kiểm tra, giám sát việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Đối với công tác cập nhật cơ sở dữ liệu, việc kiểm tra giám sát phải được thực hiện thường xuyên theo các quy định hiện hành, tối thiểu mỗi tháng 01 lần và lập thành biên bản để lưu trữ.

2. Việc kiểm tra được thực hiện trực tiếp trên cơ sở dữ liệu đất đai thông qua các module của phần mềm về kiểm tra cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Công tác kiểm tra, giám sát bao gồm tính đầy đủ, chính xác nội dung và cấu trúc của việc cập nhật cơ sở dữ liệu.

4. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra tất cả cơ sở dữ liệu đất đai trước khi cập nhật, tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

Việc kiểm tra phải đảm bảo mức độ đầy đủ thông tin của các trường dữ liệu: Dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính theo Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

SAO LƯU VÀ PHỤC HỒI DỮ LIỆU

Điều 20. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

1. Sao lưu dữ liệu

a) Dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian của hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai phải được sao lưu tự động 01 ngày/01 lần vào server NAS của Trung tâm Dữ liệu, bảo đảm tính toàn vẹn. Định kỳ 2 tuần 1 lần, tiến hành sao lưu ra ổ đĩa cứng di động và bảo quản theo quy định.

b) Dữ liệu file quét của cơ sở dữ liệu đất đai phải được sao lưu 06 tháng/01 lần vào ổ đĩa cứng di động;

c) Các ổ đĩa cứng di động sao lưu dữ liệu phải được bàn giao vào lưu trữ theo quy định.

2. Thông báo sự cố

a) Việc thông báo các sự cố phải được thông báo sớm nhất có thể đến đơn vị vận hành để đảm bảo lỗi hệ thống nhanh chóng được khắc phục;

b) Đơn vị vận hành cơ sở dữ liệu đất đai có trách nhiệm thông báo đến các đơn vị bị ảnh hưởng trong trường hợp có sự cố và dự kiến thời gian khắc phục.

Điều 21. Xử lý sự cố

1. Trường hợp sự cố xảy ra tại Chi nhánh, Chi nhánh có trách nhiệm:

a) Ngừng vận hành hoặc khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ cơ sở dữ liệu đất đai thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu đất đai;

c) Tùy theo mức độ của sự cố, cán bộ vận hành báo cáo kịp thời đến Lãnh đạo Chi nhánh và báo cáo về Văn phòng Đăng ký đất đai.

2. Trường hợp sự cố xảy ra tại Văn phòng Đăng ký đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Chi nhánh ngừng vận hành hoặc khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu đất đai;

c) Tùy theo mức độ của sự cố, cán bộ vận hành báo cáo kịp thời đến Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai;

d) Lập báo cáo nhanh sự cố.

3. Trường hợp sự cố xảy ra tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu, Trung tâm Tích hợp dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh ngừng vận hành, khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu đất đai;

c) Tùy theo mức độ của sự cố, cán bộ vận hành báo cáo kịp thời đến Lãnh đạo quản lý Trung tâm;

d) Lập báo cáo nhanh sự cố.

4. Khắc phục sự cố và phục hồi dữ liệu:

a) Việc khắc phục sự cố và phục hồi dữ liệu phải được thực hiện nhanh chóng nhất có thể để đưa hệ thống trở lại hoạt động;

b) Việc phục hồi dữ liệu trong trường hợp sự cố mức mất dữ liệu, được thực hiện trong ngày làm việc, tối đa không quá hai (02) ngày tính từ thời điểm phát hiện sự cố;

c) Việc phục hồi dữ liệu trong trường hợp xảy ra sự cố ở mức hỏng hóc hệ quản trị cơ sở dữ liệu hoặc hệ điều hành được thực hiện trong hai (02) ngày, tối đa không quá bốn (04) ngày tính từ thời điểm phát hiện sự cố;

d) Việc phục hồi dữ liệu trong trường hợp sự cố mức hỏng hóc phần cứng được thực hiện trong hai (02) ngày làm việc, tối đa không quá bốn (04) ngày tính từ thời điểm sự cố về phần cứng được khắc phục;

đ) Việc khắc phục sự cố và phục hồi dữ liệu do Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp với Trung tâm Tích hợp Dữ liệu thực hiện trên cơ sở phân công phụ trách tùy theo mức độ sự cố và dữ liệu phải phục hồi. Chỉ những người có thẩm quyền mới được phép phục hồi dữ liệu. Mọi thao tác phục hồi phải được ghi nhật ký trên sổ giấy và lưu trữ;

e) Bản sao lưu sử dụng để phục hồi dữ liệu là bản sao lưu gần nhất trước thời điểm sự cố xảy ra.

5. Thẩm quyền phục hồi dữ liệu cơ sở dữ liệu đất đai

Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm phục hồi dữ liệu của các Chi nhánh và của toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai khi xảy ra sự cố.

Điều 22. Chế độ bảo mật dữ liệu đất đai

1. Việc in, sao, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Các cán bộ thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai được cấp quyền truy cập và cập nhật trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập, cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Danh mục tài liệu mật về đất đai thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,
CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 23. Trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai

1. Văn phòng Đăng ký đất đai là đơn vị làm đầu mối trong quản lý, vận hành khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bình Phước.

Quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; quản trị cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật hệ thống và đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt.

2. Đảm bảo nguồn nhân lực để quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai. Chỉ cán bộ được phân quyền mới được thực hiện và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị trong việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Tổ chức sao lưu dự phòng thường xuyên và phục hồi hệ thống khi gặp sự cố.

4. Nhận bàn giao các sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai và tổ chức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin theo quy định.

5. Dự kiến nhu cầu, xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu đất đai hàng năm.

6. Cập nhật biến động thường xuyên cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về độ chính xác của nội dung dữ liệu được cập nhật.

7. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Thực hiện thường xuyên việc rà soát, loại bỏ thông tin dữ liệu rác.

9. Kiểm tra quy trình thực hiện thủ tục hành chính của cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã trong cơ sở dữ liệu đất đai.

10. Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quản lý, chỉnh lý và trao đổi cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

11. Thường xuyên nhắc nhở và phê bình, đề xuất kỷ luật các cán bộ thực hiện quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính chậm trễ, không đúng quy định, đề sai sót hoặc mất cơ sở dữ liệu. Đồng thời, đề xuất khen thưởng cán bộ thực hiện quản lý, chỉnh lý cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính đúng thời gian, đảm bảo cơ sở dữ liệu đầy đủ.

Điều 24. Trách nhiệm của Chi cục Quản lý đất đai

1. Kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về độ hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, và việc tích hợp dữ liệu thành phần vào cơ sở dữ liệu đất đai tập trung.

3. Báo cáo về độ hoàn thiện của hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 25. Trách nhiệm của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Phước

1. Phối hợp Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo hệ thống an toàn, an ninh, bảo mật cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Nhận bàn giao thiết bị hệ thống server (máy chủ), phần mềm, sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai để tiến hành vận hành, lưu trữ theo quy định.

3. Thường xuyên theo dõi, giám sát, báo cáo, dự báo các sự cố có thể xảy ra làm mất an toàn thông tin.

4. Đề xuất, dự báo theo nhu cầu phát triển cơ sở dữ liệu đất đai để nâng cấp hệ thống server (máy chủ), phần mềm quản trị, đường truyền...phù hợp với tình hình dữ liệu và công nghệ mới.

Điều 26. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Theo dõi thực hiện việc lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp huyện.

2. Thường xuyên tham gia kiểm tra cán bộ trực thuộc vận hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.

3. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện để đường truyền chuyên dùng vận hành thông suốt 24/24. Trường hợp xảy ra sự cố về đường truyền thì phối hợp Chi nhánh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết kịp thời.

Điều 27. Trách nhiệm của Chi nhánh.

1. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai là đơn vị quản lý, vận hành, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện.

2. Có trách nhiệm thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đất đai theo thẩm quyền trên cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý vận hành. Đảm bảo kết nối hệ thống dịch vụ công nhằm xác định và cung cấp thông tin trạng thái và tình trạng xử lý hồ sơ đất đai cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

Scan (quét) và quản lý Giấy chứng nhận và các giấy tờ kèm theo (theo quy định) vào cơ sở dữ liệu đất đai đang vận hành phải được thực hiện trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai. Đảm bảo công tác lưu trữ, quản lý bản lưu, bản sao giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Kiên toàn bộ máy, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, các vị trí chức danh chuyên môn và đảm bảo nguồn nhân lực cần thiết thực hiện nhiệm vụ khai thác sử dụng, cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương, chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư tại Chi nhánh.

3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai cho UBND cấp huyện và Văn phòng Đăng ký đất đai.

Điều 28. Trách nhiệm của Công chức địa chính xã, phường, thị trấn

Có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính (bản giấy), sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

Trong quá trình quản lý đất đai trên địa bàn, nếu phát hiện có sai sót thì gửi thông tin và căn cứ để Chi nhánh kiểm tra, cập nhật, bổ sung vào dữ liệu hoặc kiểm tra báo cáo theo thẩm quyền.

Điều 29. Các đơn vị thi công công trình liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai

1. Xây dựng, cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai theo Dự án, thiết kế kỹ thuật đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung cơ sở dữ liệu đất đai đối với các đơn vị hành chính cập nhật, chỉnh lý biến động trong thời gian thi công công trình, dự án.

3. Giao nộp dữ liệu hoàn thiện sau khi được kiểm tra nghiệm thu cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo các quy định hiện hành.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai và Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai chịu trách nhiệm theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo và đề xuất Giám đốc Sở xử lý những khó khăn, vướng mắc. Định kỳ hàng quý báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu, hồ sơ đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật Cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Văn phòng Đăng ký đất đai) xem xét, quyết định điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**